

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2398**/BKHDĐT-TH

Hà Nội, ngày **28** tháng 4 năm 2021

V/v đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch PTKTXH 6 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện Kế hoạch PTKTXH 6 tháng cuối năm 2021

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác năm 2021 của Chính phủ, để chuẩn bị xây dựng Báo cáo "Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2021" của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chuẩn bị các nội dung để xây dựng báo cáo theo Đề cương và Biểu mẫu tại Phụ lục đính kèm.

Nội dung báo cáo đề nghị cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 142/2020/QH14 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; trên cơ sở ước kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, tập trung phân tích, làm rõ các yếu tố thuận lợi, khó khăn, thách thức, dự báo các diễn biến mới và kiến nghị, đề xuất các giải pháp thực hiện trong 6 tháng cuối năm. Nhiệm vụ, giải pháp đề ra cần cụ thể, nhằm mục tiêu tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết, quy định của Đảng, Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; chú trọng kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; phát triển ổn định, bền vững thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán; đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước; tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp; xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chuẩn bị các nội dung nêu trên, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và qua thư điện tử, địa chỉ: thktxh@mpi.gov.vn trước ngày 08 tháng 5 năm 2021 để tổng hợp chung báo cáo Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC I

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM
VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

Trên cơ sở ước kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, đề nghị các Cơ quan tập trung phân tích, làm rõ các nội dung theo đề cương dưới đây:

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
I	Tình hình triển khai Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021	Các bộ, cơ quan trung ương
II	Tình hình thực hiện "mục tiêu kép", vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới	Các bộ, cơ quan trung ương
III	Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng gắn với thực thi nghiêm pháp luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật, nhất là trong lĩnh vực thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, đầu tư, xây dựng, thương mại, quản lý thị trường...	Các bộ, cơ quan trung ương
IV	Tình hình thực hiện lập các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030	Các bộ, cơ quan trung ương
V	Đánh giá chi tiết tình hình phát triển từng ngành, lĩnh vực	
1	Tình hình thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế	Các bộ, cơ quan trung ương
2	Tình hình thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn	
-	Tình hình thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát	Các bộ, cơ quan trung ương
-	Tình hình thực hiện một số cân đối lớn của nền kinh tế	
+	Tích lũy, tiêu dùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
+	Thu, chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
+	Xuất, nhập khẩu	Bộ Công Thương
+	Năng lượng, đặc biệt là điện	Bộ Công Thương
+	Bảo đảm an ninh lương thực	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Tình hình thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại kinh tế và phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm	
-	Công nghiệp (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Bộ Công Thương
-	Nông nghiệp (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
-	Dịch vụ (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Riêng nội dung:</i>	
+	Du lịch (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
+	Vận tải hành khách và hàng hóa, logistics	Bộ Giao thông vận tải
+	Thương mại trong nước	Bộ Công Thương
+	Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
+	Dịch vụ tài chính - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
+	Dịch vụ khác, như: dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ y tế...	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế...
-	Phát triển một số thị trường:	
+	Thị trường tiền tệ, tín dụng	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
+	Thị trường chứng khoán, bảo hiểm	Bộ Tài chính
+	Thị trường bất động sản	Bộ Xây dựng
+	Thị trường khoa học, công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
+	Thị trường lao động	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số	
-	Tình hình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-	Tình hình xây dựng chính sách phát triển các mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số	Các bộ, cơ quan trung ương
-	Tình hình phát triển doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ
-	Tình hình phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
5	Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng; phát triển vùng và phát triển đô thị, nông thôn	
-	Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước ¹ ; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân; vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm FDI); vốn huy động khác.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với vốn đầu tư của DNNN)
-	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại	Các bộ, cơ quan trung ương
	<i>Trong đó tập trung:</i>	
+	Giao thông	Bộ Giao thông vận tải
+	Thông tin, truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
+	Năng lượng	Bộ Công Thương
+	Nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
+	Thương mại	Bộ Công Thương
-	Tình hình thực hiện công tác quy hoạch, phát triển vùng, liên kết vùng, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-	Kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh trật tự, an toàn xã hội	Bộ Tài nguyên và Môi trường
-	Phát triển đô thị	Bộ Xây dựng
-	Xây dựng nông thôn mới	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹ Gồm: (i) Vốn trong nước, bao gồm trái phiếu Chính phủ, bội chi ngân sách địa phương, xổ số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn của Nhà nước tại một số doanh nghiệp; (ii) vốn nước ngoài, bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn viện trợ không hoàn lại).

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
6	Tình hình thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, đổi mới giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp gắn với tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đổi mới giáo dục, đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
-	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
-	Phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
-	Năng suất lao động	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân	
-	Công tác bảo đảm an sinh xã hội; bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, đối tượng yếu thế trong xã hội; nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; tạo việc làm; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
-	Phát triển văn hóa, nghệ thuật; thể dục thể thao (gồm quần chúng và thành tích cao)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
-	Bảo hiểm y tế; tình trạng già hóa dân số; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	Bộ Y tế
-	Thực hiện chính sách dân tộc	Ủy ban dân tộc
-	Thực hiện chính sách tôn giáo	Bộ Nội vụ

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Thông tin, truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam
-	Phòng, chống tệ nạn xã hội, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy, nổ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an
8	Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	
-	Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; khai thác và sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước...	Bộ Tài nguyên và Môi trường
-	Ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Các bộ, cơ quan trung ương
-	Phòng, chống thiên tai, hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn, nước biển dâng...	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	
-	Thực hiện cải cách hành chính	Văn phòng Chính phủ
-	Thực hiện cải cách hành chính tư pháp	Bộ Tư pháp
-	Thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
-	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước	Bộ Nội vụ
-	Công tác phòng, chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
10	Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế	
-	Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia	Bộ Quốc phòng
-	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm...	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
-	Triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế	Bộ Ngoại giao

PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM
VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Biểu mẫu 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ SỐ 124/2020/QH14 CỦA QUỐC HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng	Dự kiến đánh giá kết quả thực hiện cả năm (Không đạt/Đạt/Vượt)	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6	Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 3.700	Bộ KHĐT
3	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4	Bộ KHĐT
4	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	Khoảng 45-47	Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	Khoảng 4,8	Bộ KHĐT
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo - Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Khoảng 66 Khoảng 25,5	Bộ LĐTBXH
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 91	Bộ YT
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	điểm %	1-1,5	Bộ LĐTBXH
9	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	Trên 90	Bộ XD
10	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	Trên 87	Bộ TNMT
11	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 91	Bộ KHĐT
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Khoảng 42	Bộ NNPTNT

Biểu mẫu 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
I	VỀ TÍCH LŨY - TIÊU DÙNG							Bộ KHĐT
1	GDP theo giá hiện hành ¹	Nghìn tỷ đồng	Khoảng 8 triệu tỷ đồng	Khoảng 9 triệu tỷ đồng		
2	Cơ cấu tích lũy, tiêu dùng							
	Tiêu dùng cuối cùng	%	73,8	71,3		
	Tích lũy tài sản	%	26,2	28,7		
3	So sánh với GDP							
	Tiêu dùng cuối cùng	%	75,2	71,0		
	Tích lũy tài sản	%	26,7	28,6		
	Tiết kiệm	%	29,1	28,0		
II	VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC²							Bộ TC
A	Tổng thu ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1.507,8	1.343,3				
1	Thu nội địa	Nghìn tỷ đồng	1.290,9	1.133,5				
2	Thu từ dầu thô	Nghìn tỷ đồng	34,6	23,2				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Nghìn tỷ đồng	177,5	178,5				
4	Thu viện trợ	Nghìn tỷ đồng	4,8	8,1				
B	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1.788,0	1.687,0				
	<i>Trong đó:</i>							
	Chi đầu tư phát triển (bao gồm cả nguồn vốn bổ sung từ nguồn dự phòng NSNN, tăng thu ngân sách địa phương tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)	Nghìn tỷ đồng	550,0	477,3				
	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Nghìn tỷ đồng	1.127,4	1.062,2				

¹ Theo số liệu quy mô kinh tế đã đánh giá lại.

² Theo số liệu quy mô kinh tế đã đánh giá lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
C	Bội chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	251,35	343,67				
	<i>So với GDP</i>	%	3,99	4,00				
III	VỀ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA	Tỷ USD	545,4	554,4	101,7			Bộ CT
1	Xuất khẩu hàng hóa							
-	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tỷ USD	282,7	280,4	99,2			
	<i>Trong đó: tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô)</i>	%	71,8	...				
2	Nhập khẩu hàng hóa							
-	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD	262,7	274,0	104,3			
	<i>Trong đó: tỷ trọng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	%	64,3	...				
3	Xuất/Nhập siêu	Tỷ USD	Xuất siêu 20 tỷ USD	Xuất siêu 6,4 tỷ USD				
	Tỷ lệ xuất/nhập siêu so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	Xuất siêu 7,1%	Xuất siêu 2,3%				
IV	VỀ NGUỒN ĐIỆN							Bộ CT
1	Tổng công suất nguồn điện	MW	69.280	66.938	96,620			
2	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn điện (không bao gồm điện gió, điện mặt trời)	%	25,9	21,3				
3	Điện thương phẩm	Tỷ KWh	215,2	235,2	109,3			
4	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ KWh	245,9	268-269,9	109-109,8			

Biểu mẫu 3
CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
I	THEO GIÁ HIỆN HÀNH							Bộ KHĐT
1	GDP theo nội tệ ¹	Nghìn tỷ đồng	Khoảng 8 triệu tỷ đồng	Khoảng 9 triệu tỷ đồng				
2	GDP theo ngoại tệ	Tỷ USD	343,6	Khoảng 370				
3	GDP bình quân đầu người	USD	3.521	Khoảng 3.700				
4	Cơ cấu GDP							
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	14,85					
-	Công nghiệp và xây dựng	%	33,72					
-	Dịch vụ	%	41,63					
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9,80					
5	Năng suất lao động xã hội²	Triệu đồng/lao động	150,0	163,6	109,10			
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/lao động	53,9	61,6	114,27			
-	Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng/lao động	180,8	196,3	108,54			
-	Dịch vụ	Triệu đồng/lao động	175,6	190,9	108,70			
II	THEO GIÁ SO SÁNH							Bộ KHĐT
1	Tốc độ tăng GDP	%	2,91	khoảng 6				
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,68	...				
-	Công nghiệp và xây dựng	%	3,98	...				
-	Dịch vụ	%	2,34	...				
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	1,70	...				
2	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	5,39	4,84				
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	10,61	9,14				
-	Công nghiệp và xây dựng	%	3,67	4,73				
-	Dịch vụ	%	2,26	4,20				
III	ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	%	44,43	45-47				Bộ KHĐT

¹ Theo số liệu quy mô kinh tế đã đánh giá lại.

² Theo số liệu quy mô kinh tế đã đánh giá lại.

Biểu mẫu 4
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
I	VỀ CÔNG NGHIỆP							Bộ CT
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	3,4	khoảng 8-9		...		
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	16,69	24,43		...		
3	Một số sản phẩm chủ yếu							
-	Dầu thô khai thác	Triệu tấn	11,47	10,06	87,7	
-	Khí đốt (khí thiên nhiên)	Tỷ m3	9,03	9,75	108,0	
-	Khí hóa lỏng (LPG)	Nghìn tấn	777,0	1.100,0	141,6	
-	Than sạch	Triệu tấn	...	61,20	
	+ Sản xuất trong nước	Triệu tấn	48,38	42,60	88,1	
	+ Than nhập khẩu	Triệu tấn	...	18,60	
-	Ô tô	Nghìn chiếc	249	285	114,5	
-	Xe máy	Nghìn chiếc	3.075	3.000	97,6	
-	Động cơ diezen (VEAM)	cái	...	13.150	
-	Máy công cụ (MIE)	cái	...	1.300	
-	Điện thoại di động	Triệu cái	233	240	103,0	
-	Ti vi	Nghìn cái	18.242	15.500	85,0	
-	Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m2	667,2	660,0	98,9	
-	Vải dệt từ sợi tổng hợp và nhân tạo	Triệu m2	951,7	1.100,0	115,6	
-	Quần áo mặc thường	Triệu cái	4427	5130	115,9	
-	Giày dép da	Triệu đôi	289	322	111,4	
II	VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN							Bộ NNPTNT
1	Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu							
-	Lương thực có hạt							
+	Trong đó: Lúa							
	Diện tích	Nghìn ha	7.277,8	7.310,0	100,4	
	Sản lượng	Triệu tấn	42,8	43,1	100,6	
	Năng suất	Tạ/ha	58,7	58,9	100,3	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
+	Trong đó: Ngô							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	943,8	950,0	100,7	
	<i>Sản lượng</i>	<i>Triệu tấn</i>	4,6	4,6	101,0	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	48,7	48,8	100,2	
-	Cây công nghiệp lâu năm							
+	Cà phê							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	632,0	682,0	107,9	
	<i>Sản lượng (Nhân)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	1.690,0	1.749,0	103,5	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	26,7	25,6	95,9	
+	Chè							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	108,0	108,0	100,0	
	<i>Sản lượng (Búp tươi)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	1.020,0	1.047,6	102,7	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	94,4	97,0	102,8	
+	Cao su							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	730,0	740,0	101,4	
	<i>Sản lượng (Mủ khô)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	1.182,5	1.309,8	110,8	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	16,2	17,7	109,3	
+	Hồ tiêu							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	110,0	115,0	104,5	
	<i>Sản lượng</i>	<i>Nghìn tấn</i>	268,3	278,2	103,7	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	24,4	24,2	99,2	
+	Điều							
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	279,0	280,0	100,4	
	<i>Sản lượng</i>	<i>Nghìn tấn</i>	333,8	360,0	107,8	
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	12,0	12,9	107,5	
-	Thịt hơi các loại							
	<i>Trong đó thịt lợn</i>	<i>Nghìn tấn</i>	3.459	3.669	106,1	
2	Một số chỉ tiêu sản xuất lâm nghiệp							
-	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha	220	250	113,6	
-	Sản lượng gỗ khai thác	Triệu m ³	20,5	23	112,2	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
3	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	8.402	8.910	106,0	
-	Nuôi trồng	Nghìn tấn	4.561	4.810	105,5	
-	Khai thác	Nghìn tấn	3.841	4.100	106,7	
III	VỀ DỊCH VỤ							Bộ CT
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội	Nghìn tỷ đồng	5.060	5.385	106,42	
IV	VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ							Bộ KHĐT
1	Doanh nghiệp							
-	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)	Nghìn doanh nghiệp	1.415,5			
-	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	Nghìn doanh nghiệp	811,5			
-	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp	134,9			
-	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Nghìn doanh nghiệp	2.235,6			
-	Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Nghìn doanh nghiệp	17,5			
2	Kinh tế tập thể							
-	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	26.112	28.000	107,230	
	<i>Trong đó:</i>							
+	Thành lập mới	Hợp tác xã	2.175	2.500	114,94	
+	Giải thể	Hợp tác xã	756	350	46,30	
-	Tổng số thành viên trong hợp tác xã	Nghìn thành viên	6.160	6.600	107,14	
-	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã	100	105	105,00	
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	636	700	110,06	
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	119.248	120.000	100,63	
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên	1.665	1.550	93,09	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
V	VỀ ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN							
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	40,5-41,5		...		Bộ XD
2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	62	68		...		Bộ NNPTNT

Biểu mẫu 5
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
1	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng	2.164,5	Khoảng 3 triệu tỷ đồng		Bộ KHĐT
	<i>So với GDP</i>	%	34,4	33,8		
2	Cơ cấu							Bộ KHĐT
-	Khu vực kinh tế Nhà nước		33,7	
	+ Vốn ngân sách Nhà nước	%	23,3	
	+ Vốn vay	%	5,9	
	+ Vốn của các doanh nghiệp Nhà nước và nguồn vốn khác	%	4,5	
-	Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	%	44,9	
-	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	%	21,4	
3	Đầu tư trực tiếp nước ngoài							Bộ KHĐT
-	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD	19,98	21 - 22	105,1-110,1	
-	Vốn đăng ký	Tỷ USD	28,53	38 - 40	133,2-140,2	

Biểu mẫu 6
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
I	VỀ DÂN SỐ							
1	Dân số trung bình	Triệu người	97,6	98,7	101,1	Bộ KHĐT
	Trong đó: dân số nông thôn	Triệu người	61,7	62,5	101,3	
2	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,7	73,8	100,1	Bộ KHĐT
3	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	112,1	111,4		...		Bộ YT
II	VỀ GIÁO DỤC							Bộ GDĐT
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%	91,0			...		
2	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học phổ thông	%	68,7			...		
3	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	28,0	31,0		...		
4	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	90,5	93,0		...		
5	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở							
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 1)	%	73,8	60,3		...		
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 2)	%	15,9	23,8		...		
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 3)	%	10,3	15,9		...		
6	Tỷ lệ số lượt người được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	%	32,0	25,0		...		
7	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	28,0	30,0		...		
III	VỀ LAO ĐỘNG							
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Triệu người	54,6	54,6	97,85	Bộ KHĐT
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Triệu người	53,4	53,2	97,26	Bộ KHĐT
	Trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp	%	32,8	31,9		...		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
3	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	78,6	90,0	45,96	Bộ LĐTBXH
4	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	32,7	35,0		...		Bộ LĐTBXH
5	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	27,0	28,0		...		Bộ LĐTBXH
IV	VỀ Y TẾ							BỘ YT
1	Số bác sỹ trên 1 vạn dân		9,0	9,2				
2	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	45,8	45,5		...		
3	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰	13,9	13,7		...		
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰	22,3	20,4		...		
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	11,5	11,7		...		
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	19,6	19,2		...		
7	Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe	%	38,1	60,0		...		
8	Số dược sỹ đại học trên 1 vạn dân	Dược sỹ đại học	3,0	3,1		...		
9	Số điều dưỡng viên trên 1 vạn dân	Điều dưỡng viên	11,5	113,0		...		
10	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	83,6	> 80		...		
V	VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH							BỘ NV
1	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	85,5	85,5		...		
2	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	82,0	82,0		...		
3	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	85,0	86,0		...		
4	Tổng biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước	Nghìn người	2.088,2			...		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Ước thực hiện 6 tháng năm 2021		Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
				Mục tiêu	So với thực hiện năm 2020 (%)	Ước thực hiện 6 tháng	So với thực hiện 6 tháng năm 2020 (%)	
5	Số biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Nghìn người	253,5			...		
6	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	2,3			...		
7	Số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Nghìn người	1.834,7			...		
8	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	3,1			...		
VI	VỀ MÔI TRƯỜNG							
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	90,0	90,0		...		Bộ XD
2	Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	90,5	90,2		...		Bộ NNPTNT
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	87,0	> 87		...		Bộ TNMT